**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 8 – NĂM HỌC 2023-2024 (*Bộ Sách Kết nối tri thức với cuộc sống*)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |
| 1 | **Đọc hiểu** | Truyện (Truyện ngắn). | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| Thơ (Thơ tự do). |
| Văn bản nghị luận văn học |
| 2 | **Viết** | Viết văn bản phân tích một tác phẩm văn học (tác phẩm truyện) (yêu cầu lựa chọn văn bản ngoài sách giáo khoa và học sinh chưa từng được học). | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | **15** | **5** | **25** | **15** | **0** | **30** | **0** | **10** | **100** |
| ***Tỉ lệ %*** | | | ***20%*** | | ***40%*** | | ***30%*** | | ***10%*** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 8 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

**NĂM HỌC 2023-2024 (*Bộ Sách Kết nối tri thức với cuộc sống*)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện (Truyện ngắn). | **Nhận biết:**  - Nhận biết đề tài, bối cảnh, chi tiết tiêu biểu.  - Nhận biết được nhân vật, cốt truyện, tình huống, các biện pháp xây dựng nhân vật.  - Nhận biết được các trợ từ, thán từ, thành phần biệt lập, các loại câu phân loại theo mục đích giao tiếp.  **Thông hiểu**:  - Phân tích được tình cảm, thái độ của người kể chuyện.  - Phân tích được vai trò, tác dụng của cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến.  - Hiểu và lí giải được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản.  - Xác định được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng; sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ; tác dụng của từ tượng thanh, từ tượng hình, biện pháp đảo ngữ, câu hỏi tu từ được sử dụng trong văn bản.  - Xác định được nghĩa tường minh và hàm ý; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả qua văn bản.  - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, nhận thức của bản thân sau khi đọc văn bản.  - Vận dụng những hiểu biết về vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn học để đánh giá giá trị của tác phẩm. | 3 TN | 5 TN | 2TL |  |
| Thơ (Thơ tự do). | **Nhận biết**  - Nhận biết được những dấu hiệu về hình thức để phân biệt các thể thơ: số tiếng trong câu, số câu, cách gieo vần, tạo nhịp, đối ngẫu.  - Nhận biết được đặc điểm ngôn ngữ, đề tài, giọng điệp, nhịp điệu trong bài thơ.  - Nhận biết được hình ảnh, biểu tượng tiêu biểu và nhân vật trữ tình trong bài thơ.  - Nhận biết được các trợ từ, thán từ, thành phần biệt lập trong văn bản.  **Thông hiểu**  - Phân tích được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình; cảm hứng chủ đạo của tác giả trong bài thơ.  - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ dựa trên những yếu tố hình thức nghệ thuật.  - Phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục.  - Xác định được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng; sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ; tác dụng của từ tượng thanh, từ tượng hình, các biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản.  - Xác định được nghĩa tường minh và hàm ý; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng**  - Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả qua bài thơ.  - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, nhận thức của bản thân sau khi đọc văn bản.  - Thể hiện được thái độ tôn trọng và học hỏi cách tiếp nhận của người khác trong đọc hiểu văn bản thơ. |
| Văn bản nghị luận văn học | **Nhận biết:**  - Xác định được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.  - Nhận biết được các trợ từ, thán từ, thành phần biệt lập, các loại câu phân loại theo mục giao tiếp được sử dụng trong văn bản. Xác định được một số thành ngữ thông dụng, các yếu tố Hán Việt.  **Thông hiểu:**  - Nêu được nội dung bao quát của văn bản.  - Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.  - Phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết.  - Xác định được sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ; tác dụng của từ tượng thanh, từ tượng hình, biện pháp đảo ngữ được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng**:  - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.  - Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại.  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình/ đồng tình một phần với quan điểm của tác giả. |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản phân tích một tác phẩm văn học (tác phẩm truyện) (yêu cầu lựa chọn văn bản ngoài sách giáo khoa và học sinh chưa từng được học). | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II NĂM HỌC 2023-2024**

**MÔN: NGỮ VĂN – LỚP 8**

Thời gian làm bài: 90 phút(*không kể thời gian giao đề*)

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**Câu 1.**

A

B

C

D

**Câu 2.**

A

B

C

D

**Câu 3.**

A

B

C

D

**Câu 4.**

A

B

C

D

**Câu 5.**

A

B

C

D

**Câu 6.**

A

B

C

D

**Câu 7.**

A

B

C

D

**Câu 8.**

A

B

C

D

**Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9.**

**Câu 10.**

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

em hãy viết bài văn

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II NĂM HỌC 2023-2024**

**MÔN: NGỮ VĂN – LỚP 8**

Thời gian làm bài: 90 phút(*không kể thời gian giao đề*)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần**  **I** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
| **1** |  | 0,5 |
| **2** |  | 0,5 |
| **3** |  | 0,5 |
| **4** |  | 0,5 |
| **5** |  | 0,5 |
| **6** |  | 0,5 |
| **7** |  | 0,5 |
| **8** |  | 0,5 |
| **9** |  | 1,0 |
| **10** |  | 1,0 |
| **Phần II** | | **VIẾT** | **4,0** |
| *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn* | 0,25 |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: | 0,25 |
| *c. Nội dung:*  HS có thể triển khai nội dung theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
|  | 3,0 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
| *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo… | 0,25 |